

Số: **09** /HD-CĐN

Hà Nội, ngày 01 tháng 12 năm 2014

HƯỚNG DẪN

Về việc tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân

ĐẠI HỌC HUẾ

ĐẾN

Số: 1.2.3.8

Ngày: 16/12/2014

trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập,
doanh nghiệp nhà nước thuộc ngành Giáo dục

Chuyên: Căn cứ Luật Thanh tra năm 2010 và Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra; Nghị định số 99/2005/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra về tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân;

Căn cứ Luật Công đoàn năm 2012;

Căn cứ Hướng dẫn số 1755/HD-TLĐ ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về hướng dẫn công đoàn tham gia xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ cơ sở tại nơi làm việc;

Sau khi thống nhất với Thanh tra Bộ Giáo dục và Đào tạo tại công văn số: 10 51/TTr ngày 26 tháng 11 năm 2014, Ban Thường vụ Công đoàn Giáo dục (CĐGD) Việt Nam hướng dẫn về việc tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân (TTND) tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước thuộc ngành Giáo dục như sau:

I. TỔ CHỨC BAN THANH TRA NHÂN DÂN

1. Ban TTND được thành lập ở cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước thuộc ngành Giáo dục (sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị) do Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở (CĐCS) ở cơ quan, đơn vị đó hướng dẫn tổ chức, chỉ đạo hoạt động.

2. Nhiệm kỳ của Ban TTND là 02 năm. Hội nghị cán bộ công chức, viên chức hoặc Hội nghị đại biểu cán bộ công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Hội nghị người lao động hoặc Hội nghị đại biểu người lao động trong doanh nghiệp nhà nước (sau đây gọi chung là Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động) quyết định số lượng Ban TTND từ 03 đến 11 thành viên (đảm bảo số lẻ), bầu bằng bỏ phiếu kín và phải đảm bảo có mặt trên 50% số đại biểu triệu tập. Người được bầu là thành viên Ban TTND phải có trên 50% số đại biểu tham dự hội nghị tín nhiệm.

3. Thành viên Ban TTND phải là người trung thực, công tâm, nhiệt tình, có uy tín, có hiểu biết nhất định về chính sách, pháp luật, có chuyên môn, nghiệp vụ, thường xuyên làm việc tại cơ quan, đơn vị, không phải là người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

4. Chậm nhất sau 5 ngày kể từ ngày bầu xong Ban TTND, Ban Chấp hành CĐCS tổ chức cuộc họp với các thành viên Ban TTND để bầu Trưởng ban và Phó Trưởng ban (Ban TTND có trên 05 thành viên được bầu 01 Phó Trưởng ban), ra quyết định công nhận Ban TTND và thông báo cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động (CBCCVCLĐ) biết.

Trưởng Ban TTND chịu trách nhiệm chung về mọi hoạt động của Ban TTND. Phó Trưởng ban (nếu có) có trách nhiệm giúp Trưởng ban thực hiện nhiệm vụ do Trưởng ban giao. Các thành viên khác của Ban TTND thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng ban.

5. Trong nhiệm kỳ nếu thành viên Ban TTND không hoàn thành nhiệm vụ hoặc không còn được tin nhiệm thì Ban chấp hành CĐCS đề nghị Hội nghị CBCCVCLĐ kỹ gần nhất xem xét, quyết định việc bãi nhiệm thành viên đó; trường hợp vì lý do chính đáng (sức khỏe, hoàn cảnh gia đình hoặc lý do khác), thành viên Ban TTND có đơn xin thôi tham gia Ban TTND thì Ban Chấp hành CĐCS xem xét, quyết định việc miễn nhiệm; việc bầu người khác thay thế thực hiện theo khoản 2 mục I của Hướng dẫn này.

II. NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA BAN THANH TRA NHÂN DÂN

1. Nhiệm vụ

Ban TTND có nhiệm vụ giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật, việc giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo, việc thực hiện pháp luật về dân chủ ở cơ sở của cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm ở cơ quan, đơn vị.

2. Quyền hạn

a) Kiến nghị với người có thẩm quyền giải quyết, xử lý theo quy định của pháp luật khi phát hiện cơ quan, tổ chức cá nhân có dấu hiệu vi phạm và giám sát việc thực hiện kiến nghị đó.

b) Xác minh, giải quyết vụ việc khi được người đứng đầu cơ quan, đơn vị giao.

c) Kiến nghị với người đứng đầu cơ quan, đơn vị khắc phục sơ hở, thiếu sót được phát hiện qua việc giám sát; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của CBCCVCLĐ, biểu dương những đơn vị, cá nhân có thành tích. Trường hợp phát hiện người có hành vi vi phạm pháp luật thì kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

d) Đại diện Ban TTND được mời tham dự các cuộc họp của lãnh đạo cơ quan, đơn vị có nội dung liên quan đến nhiệm vụ giám sát của Ban TTND.

e) Đại diện Ban TTND được mời tham dự các cuộc họp của Ban Chấp hành CĐCS liên quan đến tổ chức hoạt động của Ban TTND.

III. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA BAN THANH TRA NHÂN DÂN

1. Phạm vi giám sát của Ban TTND ở cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập

a) Việc tuyển dụng, sử dụng và thực hiện các chế độ chính sách đối với CBCCVCLĐ theo quy định của pháp luật;

b) Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ công tác hàng năm của cơ quan, đơn vị;

c) Việc sử dụng kinh phí hoạt động từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí khác, sử dụng các quỹ, chấp hành chế độ quản lý tài chính, tài sản và công tác tự kiểm tra tài chính của cơ quan, đơn vị;

d) Việc thực hiện nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị;

e) Việc tiếp công dân, tiếp nhận và xử lý đơn, thư khiếu nại, tố cáo; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền; việc thi hành các quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý *sai phạm theo kết luận nội dung tố cáo* đã có hiệu lực pháp luật tại cơ quan, đơn vị.

g) Việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; việc xử lý các vụ việc tham nhũng, lãng phí trong cơ quan, đơn vị;

h) Những việc khác theo quy định của pháp luật.

2. Phạm vi giám sát của Ban TTND ở doanh nghiệp nhà nước

a) Việc thực hiện nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; thực hiện chế độ, chính sách đối với công nhân, viên chức, người lao động theo quy định của Pháp luật;

b) Việc thực hiện nghị quyết Hội nghị Người lao động;

c) Việc thực hiện nội quy, quy chế của doanh nghiệp;

d) Việc thực hiện thỏa ước lao động tập thể;

e) Việc thực hiện hợp đồng lao động;

g) Việc thực hiện các chế độ, chính sách của Nhà nước, nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước; việc sử dụng các loại quỹ sau thuế;

h) Việc giải quyết tranh chấp lao động;

i) Việc tiếp công dân, tiếp nhận và xử lý đơn, thư khiếu nại, tố cáo; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của người đứng đầu doanh nghiệp nhà nước; việc thi hành quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo đã có hiệu lực pháp luật tại doanh nghiệp nhà nước;

k) Việc thực hiện các kết luận, quyết định xử lý của thanh tra, kiểm tra; việc xử lý về tham nhũng, lãng phí trong doanh nghiệp;

l) Những việc khác theo quy định của pháp luật.

IV. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN THANH TRA NHÂN DÂN

1. Xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban TTND

Hàng năm, Ban TTND căn cứ vào nghị quyết của Hội nghị CBCCVCLĐ và sự chỉ đạo của Ban Chấp hành CĐCS để xây dựng chương trình công tác từng quý, từng năm (năm học) và phải thông qua Ban Chấp hành CĐCS.

2. Phương thức thực hiện quyền giám sát của Ban TTND

a) Tiếp nhận các ý kiến phản ánh của CBCCVCLĐ (đơn thư bằng văn bản cứng qua hòm thư hoặc gửi trực tiếp, qua tin nhắn trên điện thoại hoặc thư điện tử, qua trao đổi trực tiếp); thu thập các thông tin, tài liệu, chứng cứ để xem xét, đối chiếu việc tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ được cơ quan, đơn vị phân công.

b) Phát hiện hành vi trái pháp luật của đơn vị, tổ chức, cá nhân trong cơ quan, đơn vị.

c) Thông qua kế hoạch thực hiện công việc, báo cáo kết quả, thông báo kết luận.

d) Thông qua tham dự các cuộc họp của cơ quan, đơn vị, công đoàn cơ sở.

e) Kiến nghị trực tiếp hoặc thông qua Ban Chấp hành CĐCS để kiến nghị với cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết về các vấn đề có liên quan trực tiếp đến nội dung giám sát của Ban TTND.

3. Hoạt động giám sát của Ban TTND

a) Trong quá trình thực hiện việc giám sát, Ban TTND có quyền đề nghị người đứng đầu cơ quan, đơn vị cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung giám sát.

b) Trường hợp phát hiện có hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của CBCCVCLĐ, có dấu hiệu tham nhũng, lãng phí, sử dụng sai mục đích chi, thu ngân sách và các khoản đóng góp, quỹ phúc lợi và các hành vi vi phạm khác thuộc nội dung giám sát của Ban TTND thì kiến nghị với người đứng đầu cơ

quan, đơn vị hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xem xét, giải quyết đồng thời báo cáo với Ban Chấp hành CĐCS.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được kiến nghị người đứng đầu cơ quan, đơn vị hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, giải quyết và thông báo kết quả giải quyết cho Ban TTND. Trường hợp kiến nghị không được thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ban TTND có quyền kiến nghị cấp trên trực tiếp của người đứng đầu cơ quan, đơn vị xem xét, giải quyết.

4. Hoạt động xác minh của Ban TTND

a) Khi được người đứng đầu cơ quan, đơn vị giao nhiệm vụ xác minh (bằng văn bản), Ban TTND có trách nhiệm thực hiện đúng nội dung, thời gian, phạm vi nhiệm vụ được giao.

b) Trong quá trình thực hiện việc xác minh, Ban TTND được quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp các thông tin, tài liệu cần thiết phục vụ cho việc xác minh, xem xét để làm rõ sự việc được xác minh.

Kết thúc việc xác minh, Ban TTND báo cáo bằng văn bản với người đứng đầu cơ quan, đơn vị về kết quả xác minh, đồng thời kiến nghị biện pháp giải quyết.

c) Trong quá trình thực hiện việc xác minh, nếu phát hiện việc vi phạm pháp luật gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của CB CCVCLĐ cần phải xử lý ngay thì lập biên bản và kiến nghị người đứng đầu cơ quan, đơn vị hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết, đồng thời giám sát việc thực hiện kiến nghị đó.

d) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được kiến nghị, người đứng đầu cơ quan, đơn vị hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, giải quyết; *chậm nhất 30 ngày* thông báo kết quả giải quyết cho Ban TTND. Trường hợp kiến nghị không được thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ban TTND có quyền kiến nghị cấp trên trực tiếp của người đứng đầu cơ quan, đơn vị xem xét, giải quyết.

V. NGUYÊN TẮC, LỀ LỜI HOẠT ĐỘNG CỦA BAN THANH TRA NHÂN DÂN

1. Nguyên tắc hoạt động

a) Ban TTND hoạt động bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời và tuân theo pháp luật.

b) Nghiêm cấm hành vi lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn của Ban TTND để kích động, dụ dỗ, lôi kéo người khác khiếu nại, tố cáo sai sự thật và thực hiện các hành vi trái pháp luật.

2. Lễ lới làm việc

a) Ban TTND họp định kỳ mỗi quý một lần để kiểm điểm công tác trong quý và triển khai công tác quý sau, trong trường hợp cần thiết thì có thể họp bất thường.

b) Ban TTND thực hiện chế độ báo cáo mỗi quý một lần trước Ban Chấp hành CĐCS; hàng năm báo cáo tổng kết hoạt động trước Hội nghị CBCCVCLĐ; báo cáo tổng kết hoạt động của Ban TTND phải được Ban Chấp hành CĐCS thông qua và gửi lên công đoàn cấp trên trực tiếp.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

1. Thông báo cho Ban TTND về các chế độ, chính sách và những thông tin cần thiết khác; bảo đảm quyền lợi đối với các thành viên Ban TTND trong thời gian thành viên đó thực hiện nhiệm vụ.

2. Yêu cầu các đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin, tài liệu liên quan trực tiếp đến nội dung giám sát, xác minh để Ban TTND thực hiện nhiệm vụ.

3. Xem xét, giải quyết kịp thời các kiến nghị của Ban TTND; thông báo kết quả giải quyết trong thời hạn chậm nhất không quá 40 ngày, kể từ ngày nhận được kiến nghị đó. Trường hợp nội dung kiến nghị vượt quá thẩm quyền thì báo cáo cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét, giải quyết và thông báo cho Ban TTND biết.

4. Xử lý người có hành vi cản trở hoạt động của Ban TTND hoặc có hành vi trả thù, trù dập thành viên Ban TTND.

5. Thông báo cho Ban TTND kết quả giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo, việc thực hiện pháp luật về dân chủ ở cơ sở.

6. Mời đại diện của Ban TTND tham dự các cuộc họp của lãnh đạo cơ quan, đơn vị có nội dung liên quan đến nhiệm vụ giám sát của Ban TTND.

7. Hỗ trợ kinh phí, phương tiện và các điều kiện khác để Ban TTND hoạt động theo quy định của pháp luật.

VII. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN CHẤP HÀNH CÔNG ĐOÀN CÁC CẤP

1. Trách nhiệm của Ban Chấp hành CĐCS

a) Phối hợp với người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức Hội nghị CBCCVCLĐ bầu Ban TTND.

b) Ra văn bản công nhận Ban TTND và thông báo cho CBCCVCLĐ trong cơ quan, đơn vị; tổ chức cuộc họp của Ban TTND để Ban TTND bầu Trưởng ban, Phó Trưởng ban (nếu có) và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên.

c) Hướng dẫn Ban TTND xây dựng chương trình, nội dung công tác, định kỳ nghe báo cáo kết quả hoạt động và giải quyết kiến nghị của Ban TTND đối với Ban Chấp hành CĐCS.

d) Động viên người lao động ở cơ quan, đơn vị ủng hộ, tham gia hoạt động của Ban TTND.

e) Xác nhận biên bản, kiến nghị của Ban TTND.

g) Chủ trì hoặc phối hợp với cơ quan, tổ chức hữu quan tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác cho các thành viên Ban TTND. Chủ trì việc tổ chức phối hợp với các tổ chức khác trong cơ quan, đơn vị trong việc hỗ trợ hoạt động của Ban TTND.

h) Dự toán, quyết toán kinh phí hoạt động hàng năm cho Ban TTND.

i) Mời đại diện Ban TTND tham dự cuộc họp của Ban Chấp hành CĐCS có nội dung liên quan đến tổ chức và hoạt động của Ban TTND.

2. Trách nhiệm của Ban Chấp hành công đoàn cấp trên cơ sở

a) Ban Chấp hành công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở chỉ đạo Ban Chấp hành CĐCS trong việc hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của Ban TTND.

b) Ban Chấp hành CĐGD Việt Nam, CĐGD tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với Thanh tra Giáo dục cùng cấp hướng dẫn hoạt động cho Ban TTND các cơ quan, đơn vị trong ngành; tổ chức hội nghị tổng kết chuyên đề, phổ biến kinh nghiệm, tập huấn nghiệp vụ cho Ban TTND trong các cơ quan, đơn vị.

VIII. TRÁCH NHIỆM CỦA THANH TRA GIÁO DỤC CÁC CẤP

1. Thanh tra Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Ban Thường vụ CĐGD Việt Nam hướng dẫn nghiệp vụ công tác cho Ban TTND ở các cơ quan, đơn vị trong ngành; tổ chức hội nghị tổng kết chuyên đề về tổ chức và hoạt động của Ban TTND; bồi dưỡng nghiệp vụ cho Ban TTND trong các cơ quan, đơn vị.

2. Thanh tra Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Ban Thường vụ CĐGD tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn nghiệp vụ công tác cho Ban TTND ở các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh, thành phố.

IX. KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN THANH TRA NHÂN DÂN

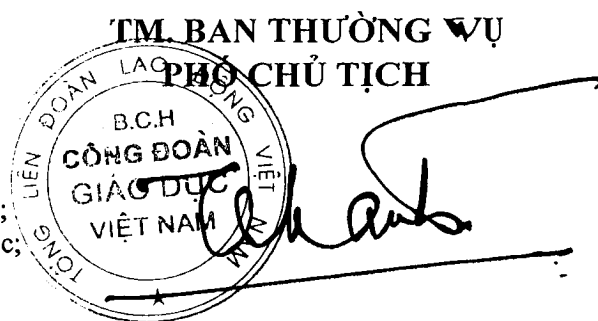
1. Kinh phí hoạt động của Ban TTND được thực hiện theo Thông tư liên tịch số 40/2006/TTLT-BTC-BTT UBMTTQVN-TLĐLĐVN ngày 12 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc hướng dẫn về kinh phí đảm bảo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân.

2. Ban TTND chủ động dự toán, quyết toán kinh phí theo quy định tại Thông tư 40/2006/TTLT-BTC-BTT UBMTTQVN-TLĐLĐVN ngày 12 tháng 5 năm 2006.

Hướng dẫn này thay thế Hướng dẫn số 469/HD-CĐN ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Ban Thường vụ Công đoàn Giáo dục Việt Nam; trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Công đoàn Giáo dục Việt Nam để xem xét, giải quyết. *h*

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Bộ GD&ĐT;
- Đoàn Chủ tịch TLĐLĐVN;
- Ban Thường vụ CDDGDVN;
- Thanh tra Bộ GD&ĐT;
- Các ĐHQG, ĐHV;
- Các trường đại học, cao đẳng, các đơn vị trực thuộc;
- Công đoàn các trường ĐH, CĐ, các đơn vị trực thuộc;
- Các sở GD&ĐT;
- CĐGD các tỉnh, thành phố;
- Lưu Vp, UBKT CDDGDVN.



Phạm Văn Thanh